



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 4 - 168 Đường Láng, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84-4 3577 0781 / Fax: +84-4 3577 0787

www.vaco.com.vn / vacohn@vaco.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 29

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Hoàng Long

Ông Lê Ngọc Sơn

Ông Ngô Văn Vỹ

Ông Vũ Dương Ngọc Duy

Ông Bùi Kim Khánh

Ông Vũ Hoàng Chương

##### Chức vụ

Chủ tịch

Chủ tịch

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

Bổ nhiệm ngày 06/04/2013

Miễn nhiệm ngày 06/04/2013

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Dương Ngọc Duy

Ông Nghiêm Xuân Vân

Ông Vũ Hoàng Chương

Ông Trang Văn Hưng

##### Chức vụ

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Miễn nhiệm ngày 10/05/2013

Bổ nhiệm ngày 25/02/2014

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Dương Ngọc Duy

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2014

Số: 013 /VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05/03/2014, từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

*Vấn đề khác*

Báo cáo kiểm toán năm 2012 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác và đã phát hành Báo cáo kiểm toán số 80/BCKT-TC ngày 08/03/2013 với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Như trình bày tại thuyết minh số 06 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản ủy thác đầu tư từ năm 2007 vào Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt (Thành Việt) với giá trị là 10.000.000.000 đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang tiếp tục làm việc với Thành Việt và cơ quan có thẩm quyền để thu hồi khoản đầu tư này.



Nguyễn Đức Tiến  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0517-2013-156-1

Chử Mạnh Hoan  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1403-2013-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2014*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MÁU SỐ B 01 - DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>184.813.303.306</b>	<b>160.169.747.870</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>4.587.420.717</b>	<b>12.038.650.730</b>
1. Tiền	111		4.587.420.717	6.038.650.730
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>68.799.043.918</b>	<b>70.355.202.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		71.799.043.918	70.355.202.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.000.000.000)	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>53.769.291.475</b>	<b>49.019.900.857</b>
1. Phải thu khách hàng	131	7	42.615.792.561	41.177.466.273
2. Trả trước cho người bán	132	8	8.626.537.942	6.607.213.281
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	9	3.012.175.473	1.725.066.804
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(485.214.501)	(489.845.501)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>54.081.455.659</b>	<b>27.191.886.446</b>
1. Hàng tồn kho	141		54.081.455.659	27.191.886.446
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.576.091.537</b>	<b>1.564.107.837</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		518.303.959	421.821.007
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.171.807.305	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	885.980.273	1.142.286.830
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 =220+250+260)	<b>200</b>		<b>76.389.154.245</b>	<b>90.261.098.167</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>64.551.351.836</b>	<b>64.547.361.251</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	37.489.298.470	40.446.320.481
- Nguyên giá	222		79.626.174.905	84.095.954.989
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.136.876.435)	(43.649.634.508)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	23.623.250.048	24.101.040.770
- Nguyên giá	228		26.805.755.225	26.825.063.225
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.182.505.177)	(2.724.022.455)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		3.438.803.318	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>10.628.300.000</b>	<b>23.250.800.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	10.628.300.000	12.770.300.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	-	10.480.500.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.209.502.409</b>	<b>2.462.936.916</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	1.209.502.409	2.462.936.916
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>261.202.457.551</b>	<b>250.430.846.037</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 01 - DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>56.827.275.569</b>	<b>47.437.246.272</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>52.035.026.032</b>	<b>44.936.327.205</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	25.540.000.000	14.130.532.784
2. Phải trả người bán	312	18	10.939.857.898	11.952.586.043
3. Người mua trả tiền trước	313		92.089.622	35.772.652
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	1.276.651.123	2.437.952.833
5. Phải trả người lao động	315		2.601.994.108	2.260.434.992
6. Chi phí phải trả	316	20	3.199.542.485	5.952.018.161
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	7.832.040.290	8.090.604.292
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		552.850.506	76.425.448
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.792.249.537</b>	<b>2.500.919.067</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	22	3.586.983.105	1.916.578.717
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.205.266.432	584.340.350
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>204.375.181.982</b>	<b>202.993.599.765</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>204.375.181.982</b>	<b>202.993.599.765</b>
1. Vốn điều lệ	411		119.820.500.000	119.820.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		69.306.398.800	69.306.398.800
3. Cổ phiếu quỹ	414		(22.877.138.591)	(22.136.611.468)
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.993.880.810	3.621.325.161
5. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối	420		34.131.540.963	32.381.987.272
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>261.202.457.551</b>	<b>250.430.846.037</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Ngoại tệ các loại  
Tiền gửi (USD)

	31/12/2013	01/01/2013
	17.586,82	1.598,94



Vũ Dương Ngọc Duy  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2014

Đào Trung Thanh  
Kế toán trưởng

Trương Thị Thùy Linh  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 02 - DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	24	165.493.203.997	196.147.702.822
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		1.887.752.550	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	163.605.451.447	196.147.702.822
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	127.583.738.075	156.151.842.399
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		36.021.713.372	39.995.860.423
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	12.605.261.012	12.284.700.495
7. Chi phí tài chính	22	27	3.637.082.810	1.319.896.418
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		475.516.933	1.544.724.611
8. Chi phí bán hàng	24	28	21.103.914.141	25.323.543.481
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	29	11.624.580.614	11.363.292.131
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		12.261.396.819	14.273.828.888
11. Thu nhập khác	31		2.028.358.208	1.676.548.303
12. Chi phí khác	32		7.889.268	678.859.687
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	30	2.020.468.940	997.688.616
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14.281.865.759	15.271.517.504
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	1.903.371.780	2.852.995.863
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		12.378.493.979	12.418.521.641
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.145	1.140



Vũ Dương Ngọc Duy  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2014

Đào Trung Thanh  
Kế toán trưởng

Trương Thị Thủy Linh  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**MẪU SỐ B 03 - DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		175.293.608.615	193.764.898.321
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(135.292.309.630)	(123.652.448.433)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(10.926.855.000)	(9.490.452.141)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(406.725.705)	(1.544.724.611)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(1.467.261.709)	(2.236.069.896)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		15.357.449.847	19.364.853.044
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(63.908.943.080)	(52.022.263.921)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(21.351.036.662)</b>	<b>24.183.792.363</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.357.250.000)	(841.976.980)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.187.000.000)	(122.275.956.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.576.955.814	64.840.084.448
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6.560.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		12.622.500.000	6.001.998.485
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.765.242.238	8.050.123.058
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>18.420.448.052</b>	<b>(50.785.726.989)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(740.527.123)	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		34.130.000.000	55.259.710.295
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(30.303.150.280)	(65.030.357.659)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.606.964.000)	(21.785.320.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(4.520.641.403)</b>	<b>(31.555.967.364)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(7.451.230.013)</b>	<b>(58.157.901.990)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.038.650.730	70.196.552.720
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	4.587.420.717	12.038.650.730



Vũ Dương Ngọc Duy  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2014

Đào Trung Thanh  
Kế toán trưởng

Trương Thị Thùy Linh  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT.**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 240/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty được cấp Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103002463 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/07/2004, thay đổi lần thứ 09 ngày 01/02/2013. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty theo đăng ký kinh doanh là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng).

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh gồm:

Cổ đông	Vốn điều lệ góp theo đăng ký kinh doanh			Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2013	
	Số CP	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam	357.000	35.700.000.000	29,75	66.549.600.000	55,46
Bùi Kim Khánh	10.837	1.083.700.000	0,90	-	-
Ngô Văn Vỹ	8.786	878.600.000	0,73	-	-
Vũ Hoàng Chương	8.981	898.100.000	0,75	-	-
Các cổ đông sáng lập khác	314.396	31.439.600.000	26,20	53.270.900.000	44,39
Các cổ đông khác	500.000	50.000.000.000	41,67	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.200.000</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>100,0</b>	<b>119.820.500.000</b>	<b>99,9</b>

Trụ sở hoạt động tại: Số 248A Nơ Trang Long - Phường 12 - Quận Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 140 người (tại ngày 31/12/2012 là 133 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; Đào tạo cao đẳng; Đào tạo đại học và sau đại học.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Kỷ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy tính

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Theo đó, Công ty đã thực hiện các điều chỉnh thay đổi phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ nắm trên 50% quyền kiểm soát. Các khoản đầu tư vào công ty con được phân ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

**Góp vốn liên doanh**

Khoản góp vốn liên doanh của Công ty là số tiền đầu tư góp vốn liên doanh vào Công ty TNHH JVC Việt Nam. Trong kỳ Công ty đã thu hồi lại khoản đầu tư góp vốn liên doanh với Công ty TNHH JVC Việt Nam.

**Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư khi vốn góp thực tế của Công ty tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị quản lý được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian sử dụng ước tính cụ thể hàng năm như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 50
Máy móc thiết bị	07 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm tin học được sử dụng cho hoạt động kinh doanh. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 5 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm: Chi phí tiền thuê đất, chi phí bản quyền, chi phí sửa chữa tài sản và công cụ, dụng cụ, phụ tùng, các dụng cụ hành chính khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hàng kỳ theo thời gian sử dụng, thời gian phân bổ vào chi phí tối đa là ba năm.

**Chi phí trích trước**

Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm tiền trích trước chi phí bảo hành, hỗ trợ khách hàng và chi phí thuê đất.

Chi phí bảo hành sản phẩm và chi phí hỗ trợ khách hàng Công ty trích trước theo tỷ lệ bảo hành quy định trong hợp đồng của từng mặt hàng đang trong thời gian bảo hành..

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Đối với khoản lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, Công ty đang tạm xác định số lãi dự thu đến ngày 31/12/2013 theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn do Công ty không chắc chắn về thời gian duy trì các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn đến thời điểm đáo hạn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty thực hiện ghi nhận ngoại tệ theo Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật và được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Công ty được hưởng ưu đãi Thuế suất thuế TNDN theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 và Nghị định 24/2007 của Chính phủ như sau:

- Được miễn thuế TNDN trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2005 đến năm 2006) và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 03 năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2009).
- Hoạt động sản xuất máy vi tính của Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất là 20% trong 10 năm (từ năm 2004 đến năm 2013).
- Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp trong 2 năm đối với Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán (từ năm 2010 đến năm 2011).
- Hoạt động đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong Khu công nghiệp Vĩnh Lộc được hưởng ưu đãi miễn thuế trong 03 năm (từ 2009 đến 2011) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm (từ năm 2012 đến năm 2016) đối với phần thu nhập tăng thêm.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	646.486.126	200.301.769
Tiền gửi ngân hàng	3.940.934.591	5.838.348.961
Các khoản tương đương tiền	-	6.000.000.000
- Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<u><u>4.587.420.717</u></u>	<u><u>12.038.650.730</u></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm	60.700.000.000	57.200.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>	<i>60.700.000.000</i>	<i>57.200.000.000</i>
Đầu tư ngắn hạn khác - Cho vay ngắn hạn	11.099.043.918	13.155.202.000
<i>Nhân viên Công ty (i)</i>	<i>902.736.000</i>	<i>1.805.202.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin VTB</i>	<i>196.307.918</i>	<i>1.350.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt (ii)</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (iii)	(3.000.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>68.799.043.918</u></b>	<b><u>70.355.202.000</u></b>

Ghi chú:

- (i) Khoản cho vay ngắn hạn đối với nhân viên là khoản cho công nhân viên trong Công ty không thuộc các cổ đông sáng lập, Ban điều hành hoặc Hội đồng quản trị của Công ty.
- (ii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt (Thành Việt) là số tiền Công ty đã thực hiện ủy thác đầu tư từ năm 2007. Thời điểm hiện tại Công ty đang tiếp tục làm việc với Thành Việt và cơ quan có thẩm quyền để thu hồi khoản đầu tư này.
- (iii) Theo Biên bản họp ngày 31/12/2013 của Hội đồng kiểm kê đánh giá tổn thất của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt, Hội đồng đã xem xét và đánh giá một cách thận trọng giá trị khoản đầu tư và tình hình thực tế giải quyết thủ tục thu hồi khoản đầu tư này trong thời gian tới, nên Công ty đã quyết định tạm trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là 3 tỷ đồng trong năm 2013.

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Vitek VTB TPHCM	-	7.572.835.286
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Thông Tin VTB	1.341.884.355	2.211.435.235
Công ty Cổ phần Thương Mại JS-VTB	7.952.625.720	5.191.255.389
Công ty Cổ phần Vitek -VTB Hà Nội	21.583.292.853	14.513.837.552
Các đối tượng khác	11.737.989.633	11.688.102.811
<b>Cộng</b>	<b><u>42.615.792.561</u></b>	<b><u>41.177.466.273</u></b>

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2 (i)	4.830.535.680	4.830.535.680
APEX DIGITAL TECH INC	-	1.098.586.650
GUANGZHOU HUADU HONGXUN DIGITAL ELECTRONIC FACTORY	667.814.400	-
Shenzhen OneTouch Business Service Ltd	638.433.096	-
Các khách hàng khác	2.489.754.766	678.090.951
<b>Cộng</b>	<b><u>8.626.537.942</u></b>	<b><u>6.607.213.281</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (Tiếp theo)**

Ghi chú: (i) Khoản trả trước cho Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 2 là số tiền Công ty đã trả trước tiền thuê đất lần 1 và lần 2 của lô đất tại khu Khu Công nghiệp Cát Lái theo hợp đồng nguyên tắc Số 08/HĐNT- PTN- KCN ngày 13/10/2005 giữa Công ty và Công ty Quản lý và phát triển nhà Quận 2 (nay là Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 2).

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vitek VTB TP HCM	-	438.450.000
Công ty Cổ phần Vitek VTB Hà Nội	106.823.464	734.330.842
Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB	120.313.710	352.440.000
Phải thu khác (i)	2.785.038.299	199.845.962
<b>Cộng</b>	<b><u>3.012.175.473</u></b>	<b><u>1.725.066.804</u></b>

Ghi chú: (i) Phải thu ngắn hạn khác bao gồm: Phải thu khoản chi phí nhân công vượt định mức Công ty khoán cho các phân xưởng trong quá trình sản xuất, phải thu lãi dự thu đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn.

**10. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	3.415.404.960	-
Nguyên liệu, vật liệu	29.366.301.377	16.438.428.348
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.919.784.099	2.152.553.971
Thành phẩm	16.749.325.862	8.494.031.471
Hàng hoá	1.630.639.361	106.872.656
<b>Cộng</b>	<b><u>54.081.455.659</u></b>	<b><u>27.191.886.446</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho</b>	<b><u>54.081.455.659</u></b>	<b><u>27.191.886.446</u></b>

**11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng cho nhân viên	427.882.169	141.010.000
Cầm cố, ký cược ký quỹ ngắn hạn	458.098.104	1.001.276.830
<b>Cộng</b>	<b><u>885.980.273</u></b>	<b><u>1.142.286.830</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2013	51.029.724.493	30.415.902.064	2.650.328.432	84.095.954.989
Tăng do mua sắm	-	474.737.727	1.299.508.000	1.774.245.727
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.367.560.025)	-	(4.367.560.025)
Giảm khác (i)	(23.129.860)	(1.853.335.926)	-	(1.876.465.786)
Tại ngày 31/12/2013	<u>51.006.594.633</u>	<u>24.669.743.840</u>	<u>3.949.836.432</u>	<u>79.626.174.905</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2013	24.684.001.964	17.044.992.953	1.920.639.591	43.649.634.508
Khấu hao trong kỳ	1.557.509.359	2.790.720.809	204.409.760	4.552.639.928
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.363.509.341)	-	(4.363.509.341)
Giảm khác (i)	(23.129.860)	(1.678.758.800)	-	(1.701.888.660)
Tại ngày 31/12/2013	<u>26.218.381.463</u>	<u>13.793.445.621</u>	<u>2.125.049.351</u>	<u>42.136.876.435</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2013	<u>26.345.722.529</u>	<u>13.370.909.111</u>	<u>729.688.841</u>	<u>40.446.320.481</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>24.788.213.170</u>	<u>10.876.298.219</u>	<u>1.824.787.081</u>	<u>37.489.298.470</u>

Giá trị còn lại của tài sản cố định đang cầm cố, thế chấp tại ngân hàng tại ngày 31/12/2013 là 47.244.747.452 đồng (tại ngày 31/12/2012 là 49.008.380.114 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao đang còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 23.208.059.975 đồng (tại ngày 31/12/2012 là 27.530.842.395 đồng).

**Ghi chú:** (i) Giá trị nguyên giá và khấu hao lũy kế của Tài sản cố định điều chỉnh giảm trong năm đối với các tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định hữu hình theo Thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	26.132.193.780	692.869.445	26.825.063.225
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm khác (i)	-	(19.308.000)	(19.308.000)
Tại ngày 31/12/2013	26.132.193.780	673.561.445	26.805.755.225
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	2.228.326.584	495.695.871	2.724.022.455
Khấu hao trong năm	607.725.432	55.025.184	662.750.616
Thanh lý	-	-	-
Giảm khác (i)	(184.959.894)	(19.308.000)	(204.267.894)
Tại ngày 31/12/2013	2.651.092.122	531.413.055	3.182.505.177
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2013	23.903.867.196	197.173.574	24.101.040.770
Tại ngày 31/12/2013	23.481.101.658	142.148.390	23.623.250.048

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất nêu trên với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2013 là 23.481.101.658 đồng đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng.

Ghi chú: (i) Giá trị nguyên giá và khấu hao lũy kế của Tài sản cố định vô hình là Phần mềm máy tính điều chỉnh giảm trong năm đối với các tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định hữu hình theo Thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Giá trị khấu hao lũy kế đối với Quyền sử dụng đất điều chỉnh giảm trong năm theo Biên bản kiểm tra của Cơ quan thuế đối với phần chi phí khấu hao phân bổ quá thời gian thuế đất.

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Chi tiết cho cổ phiếu của từng công ty con

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Thương mại JS - VTB	350.000	3.500.000.000	350.000	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Vitek VTB Hà Nội	306.000	3.060.000.000	306.000	3.060.000.000
Công ty Cổ phần Vitek VTB TP HCM (i)	91.800	918.000.000	306.000	3.060.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin VTB	315.030	3.150.300.000	315.030	3.150.300.000
<b>Cộng</b>		<b>10.628.300.000</b>		<b>12.770.300.000</b>

Ghi chú: (i) Ngày 30/11/2013 Công ty Cổ phần Vitek VTB TP HCM đã thông báo giải thể, đến ngày 31/12/2013 Công ty đã thu hồi được 70% số vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Vitek VTB HCM. Đến ngày 15/01/2014 Công ty đã thu hồi thêm 20% số vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Vitek VTB HCM. Đến thời điểm 31/12/2013, Công ty Cổ phần Vitek VTB TP HCM đang trong thời gian chờ quyết toán thuế để hoàn thiện các thủ tục giải thể nên phần vốn góp còn lại vào Công ty Cổ phần Vitek VTB HCM sẽ được thu hồi sau khi hoàn thành các thủ tục giải thể.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2013

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết, nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thương mại JS - VTB	TP. Hồ Chí Minh	70,0%	70,0%	Mua bán, kinh doanh các sản phẩm điện tử, điện lạnh
Công ty Cổ phần Vitek VTB Hà Nội	Hà Nội	57,3%	57,3%	Mua bán, kinh doanh các sản phẩm điện tử, điện lạnh
Công ty Cổ phần Vitek VTB TP HCM	TP. Hồ Chí Minh	51,0%	51,0%	Mua bán, kinh doanh các sản phẩm điện tử, điện lạnh
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin VTB	TP. Hồ Chí Minh	51,0%	51,0%	Sản xuất, mua bán máy tính, phần mềm và các linh kiện

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh	-	10.480.500.000
Công ty TNHH JVC Việt Nam (i)	-	10.480.500.000
Cộng	<u>-</u>	<u>10.480.500.000</u>

Ghi chú: (i) Khoản góp vốn liên doanh vào Công ty TNHH JVC Việt Nam với giá trị vốn đầu tư là 10.480.500.000 đồng, tương đương với 30% vốn Điều lệ của công ty liên doanh. Trong năm, Công ty TNHH JVC Việt Nam đã giải thể, do đó Công ty đã rút vốn đầu tư theo Biên bản họp số 16/BOD/JVL ngày 25/04/2013 được ký bởi Ban đại diện của hai công ty.

**16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.209.502.409	222.936.916
Chi phí khác	-	2.240.000.000
Chi phí trả trước dài hạn dự án Phạm Văn Hai	-	1.040.000.000
Tiền thuê đất Khu 248A Nơ Trang Long	-	1.200.000.000
Cộng	<u>1.209.502.409</u>	<u>2.462.936.916</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	25.540.000.000	14.130.532.784
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	24.140.000.000	14.130.532.784
Vay ngắn hạn Công ty CP Vitek VTB TP HCM	1.400.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>25.540.000.000</u></b>	<b><u>14.130.532.784</u></b>

**Có hai khoản vay ngắn hạn sau:**

Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng số 0001/TD4/12LD ngày 02/01/2013 giữa ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Tân Định và Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình với hạn mức cho vay là 15 tỷ đồng với thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày rút vốn để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay được áp dụng theo lãi suất cho vay ngắn hạn cầm cố tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng, cầm cố sổ tiết kiệm, giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động.

Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng hạn mức số 005/TD4/11LD ngày 16/01/2013 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định và Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình với hạn mức vay là 30 tỷ đồng; Thời hạn vay được tính theo từng giấy nhận nợ của từng lần rút vốn là 6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay; Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay theo lãi suất cho vay vốn ngắn hạn sản xuất kỳ hạn 6 tháng do ngân hàng công bố tại thời điểm nhận nợ và sẽ được điều chỉnh khi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông báo lãi suất cho vay mới. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định là nhà xưởng và quyền sử dụng đất của Công ty.

Khoản vay của Công ty Cổ phần Vitek VTB TP HCM là số tiền vay theo hợp đồng có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất tiền vay từ 5% - 7%/năm để bổ sung vốn lưu động.

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tin học Minh Thông	520.350.082	3.475.194.899
Công ty TNHH Điện Tử Samsung Vina	-	3.324.860.000
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin VTB	-	62.038.512
Các đối tượng khác	10.419.507.816	5.090.492.632
<b>Cộng</b>	<b><u>10.939.857.898</u></b>	<b><u>11.952.586.043</u></b>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.502.759.770
Thuế xuất, nhập khẩu	-	49.353.324
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.264.205.642	828.095.571
Thuế thu nhập cá nhân	12.445.481	57.744.168
<b>Cộng</b>	<b><u>1.276.651.123</u></b>	<b><u>2.437.952.833</u></b>

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí bảo hành sản phẩm và tiền thuế đất	3.199.542.485	5.952.018.161
<b>Cộng</b>	<b><u>3.199.542.485</u></b>	<b><u>5.952.018.161</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	46.782.116	45.240.800
Bảo hiểm xã hội	12.704.027	16.029.359
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.772.554.147	8.029.334.133
Bao gồm:		
Cửa hàng Thiết bị tin học Viễn thông Vĩnh Tường	-	18.480.000
Công ty Cổ phần quản lý quỹ đầu tư Thành Việt (i)	1.065.232.341	1.065.232.341
Phải nộp Nhà nước (ii)	6.679.845.151	6.679.845.151
Phải trả cổ đông	7.015.670	26.265.900
Phải trả khác	20.460.985	239.510.741
<b>Cộng</b>	<u><u>7.832.040.290</u></u>	<u><u>8.090.604.292</u></u>

**Ghi chú:**

- (i) Khoản phải trả Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt là số tiền Công ty đã nhận được từ việc bán số cổ phiếu thưởng của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt để thu hồi khoản lãi từ hoạt động đầu tư. Tuy nhiên, khoản tiền này Công ty chưa được xác định bù trừ vào khoản công nợ phải thu từ hoạt động đầu tư.
- (ii) Khoản phải nộp Nhà nước là số tiền truy thu từ hoạt động chuyển nhượng tài sản phát sinh từ năm 2009.

**22. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	3.586.983.105	1.916.578.717
Phải trả khác	-	-
<b>Cộng</b>	<u><u>3.586.983.105</u></u>	<u><u>1.916.578.717</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH**

Số 248A Ng Truong Long - Phường 12 - Quận Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU B 09-DN

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư tại ngày 01/01/2012	119.820.500.000	69.306.398.800	(22.136.611.468)	206.917.361	2.726.640.912	44.785.775.228	214.709.620.833						
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	12.418.521.641	12.418.521.641						
Tăng khác	-	-	-	-	894.684.249	-	894.684.249						
Giảm khác	-	-	-	(206.917.361)	-	(24.822.309.597)	(25.029.226.958)						
Số dư tại ngày 01/01/2013	119.820.500.000	69.306.398.800	(22.136.611.468)	-	3.621.325.161	32.381.987.272	202.993.599.765						
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	12.378.493.979	12.378.493.979						
Tăng khác (i)	-	-	(740.527.123)	-	-	-	(740.527.123)						
Trả cổ tức cho cổ đông (i)	-	-	-	-	-	(7.606.964.000)	(7.606.964.000)						
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	-	372.555.649	(3.021.976.288)	(2.649.420.639)						
Số dư tại ngày 31/12/2013	119.820.500.000	69.306.398.800	(22.877.138.591)	-	3.993.880.810	34.131.540.963	204.375.181.982						

Ghi chú: (i) Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 06/04/2013, theo đó việc phân phối lợi nhuận được thực hiện như sau:

Nội dung	Tỷ lệ	Giá trị
Nguồn lợi nhuận thực hiện phân phối năm 2012		15.718.521.641
Lợi nhuận phát sinh của các năm trước		3.300.000.000
Lợi nhuận trong năm 2012		12.418.521.641
<b>Giá trị phân phối trong kỳ</b>		<b>15.214.257.462</b>
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (8%)	8%	993.481.731
Trích tạo nguồn bù đắp CP Nghiên cứu phát triển 5%	5%	620.926.082
Trích quỹ dự phòng TC (3%)	3%	372.555.649
Phụ cấp cho các thành viên HĐQT		174.000.000
Chi trả cổ tức năm 2012	12%	13.053.294.000
<b>Lợi nhuận để lại chưa phân phối</b>		<b>504.264.179</b>

(ii) Giá trị cổ phiếu quỹ tăng trong năm tương ứng với 88.140 cổ phiếu do Công ty mua lại trong năm 2013 theo Nghị quyết ngày 21/12/2012 của Hội đồng quản trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 09 ngày 01/02/2013, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 đồng, vốn góp của các cổ đông đến ngày 31/12/2013 như sau:

Cổ đông	Số CP	Vốn điều lệ góp theo đăng ký kinh doanh		Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2013	
		VND	%	VND	%
Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam	357.000	35.700.000.000	29,75	66.549.600.000	55,46
Bùi Kim Khánh	10.837	1.083.700.000	0,90	-	-
Ngô Văn Vỹ	8.786	878.600.000	0,73	-	-
Vũ Hoàng Chương	8.981	898.100.000	0,75	-	-
Các cổ đông sáng lập khác	314.396	31.439.600.000	26,20	53.270.900.000	44,39
Các cổ đông khác	500.000	50.000.000.000	41,67	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.200.000</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>100,0</b>	<b>119.820.500.000</b>	<b>99,9</b>

**Cổ phiếu**

	31/12/2013	1/1/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.982.050	11.982.050
+ Cổ phiếu phổ thông	11.982.050	11.982.050
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.177.530	1.089.390
+ Cổ phiếu phổ thông	1.177.530	1.089.390
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.804.520	10.892.660
+ Cổ phiếu phổ thông	10.804.520	10.892.660
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá của cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.

**Cổ tức**

Trong năm, Công ty đã thực hiện chia cổ tức cho các cổ đông với mức chia cổ tức là 12%. Trong đó, mức cổ tức đã tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2012 là 5%, số đã chia cổ tức trong năm 2013 là 7%.

**Tình hình thanh toán cổ tức như sau:**

Giá trị cổ tức được chia	<b>13.053.294.000</b>
Giá trị cổ tức đã ứng trong năm 2012	5.446.330.000
Giá trị cổ tức đã thanh toán trong kỳ	7.606.964.000
Giá trị cổ tức còn phải trả	<b>0</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	165.493.203.997	196.147.702.822
<b>Cộng</b>	<b>165.493.203.997</b>	<b>196.147.702.822</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.887.752.550)	-
- Hàng bán bị trả lại	(1.887.752.550)	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>163.605.451.447</b>	<b>196.147.702.822</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm và dịch vụ đã bán	127.583.738.075	156.151.842.399
Giá vốn hoạt động khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>127.583.738.075</b>	<b>156.151.842.399</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.129.142.183	9.699.069.832
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	5.039.190.188	1.846.168.357
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	407.054.618	256.080.427
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	29.874.023	483.381.879
<b>Cộng</b>	<b>12.605.261.012</b>	<b>12.284.700.495</b>

*Ghi chú: (i) Lợi nhuận được chia là số lãi Công ty nhận được từ việc rút vốn đầu tư do giải thể liên doanh Công ty TNHH JVC Việt Nam.*

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	475.516.933	1.544.724.611
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	99.525.620	82.828.561
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	11.040.257	5.874.871
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	3.000.000.000	(1.022.945.785)
Chi phí tài chính khác	51.000.000	709.414.160
<b>Cộng</b>	<b>3.637.082.810</b>	<b>1.319.896.418</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<u>Năm 2013</u>
	VND
Chi phí nhân viên	2.785.121.760
Chi phí vật liệu, bao bì	46.778.818
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.572.070.362
Chi phí khuyến mại, tài trợ	1.718.776.835
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.817.502.483
Chi phí bằng tiền khác	10.163.663.883
<b>Cộng</b>	<b><u><u>21.103.914.141</u></u></b>

**29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm 2013</u>
	VND
Chi phí nhân viên	5.076.023.092
Chi phí vật liệu quản lý	157.940.805
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.683.364.886
Chi phí dịch vụ mua ngoài	927.359.503
Chi phí bằng tiền khác	2.779.892.328
<b>Cộng</b>	<b><u><u>11.624.580.614</u></u></b>

**30. LỢI NHUẬN KHÁC**

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	VND	VND
Thu khác (i)	<u>2.028.358.208</u>	<u>1.676.548.303</u>
<b>Thu nhập khác</b>	<b><u>2.028.358.208</u></b>	<b><u>1.676.548.303</u></b>
Chi phí khác	<u>7.889.268</u>	<u>678.859.687</u>
<b>Chi phí khác</b>	<b><u>7.889.268</u></b>	<b><u>678.859.687</u></b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b><u><u>2.020.468.940</u></u></b>	<b><u><u>997.688.616</u></u></b>

**Ghi chú:** (i) Thu nhập khác trong kỳ bao gồm số tiền 1.827.262.564 đồng được Công ty thu từ lãi chậm trả của các Công ty con đối với các khoản chậm thanh toán tiền mua hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	14.281.865.759	15.271.517.504
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(5.651.704.439)	(1.849.153.575)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(5.749.390.293)	(1.849.377.584)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(5.039.190.188)	(1.846.168.357)
Các khoản thu nhập khác	(710.200.105)	(3.209.227)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	97.685.854	224.009
Chi phí không được trừ	97.685.854	224.009
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>8.630.161.320</b>	<b>13.422.363.929</b>
Chuyển lỗ năm trước	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>8.630.161.320</b>	<b>13.422.363.929</b>
Thu nhập từ Dự án tại KCN Vĩnh Lộc được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế	1.893.540.090	-
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh máy tính hưởng thuế suất 20%	349.520.770	-
Thu nhập hưởng thuế suất thông thường	6.387.100.460	-
Thuế suất thông thường	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.903.371.780</b>	<b>2.852.995.863</b>

**32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.378.493.979	12.418.521.641
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.378.493.979	12.418.521.641
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	10.814.179	10.892.660
<b>Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.145</b>	<b>1.140</b>

**33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	104.923.821.941	118.178.134.442
Chi phí nhân công trực tiếp	10.909.983.543	12.586.097.292
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.804.766.455	4.716.499.781
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.994.902.074	21.481.424.411
Chi phí mua ngoài khác	21.149.522.894	4.320.443.561
<b>Cộng</b>	<b>144.782.996.907</b>	<b>161.282.599.487</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**34. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Thời điểm hiện tại, lĩnh vực kinh doanh của Công ty tập trung vào nhóm sản phẩm chính là kinh doanh hàng điện tử, điện lạnh và công nghệ thông tin. Các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó Công ty chưa áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Công ty chưa áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	25.540.000.000	14.130.532.784
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.587.420.717	12.038.650.730
Nợ thuần	20.952.579.283	2.091.882.054
Vốn chủ sở hữu	204.375.181.982	202.993.599.765
<b>Hệ số nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b><u>0,10</u></b>	<b><u>0,01</u></b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.587.420.717	12.038.650.730
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.142.753.533	42.412.687.576
Đầu tư ngắn hạn	68.799.043.918	70.355.202.000
Đầu tư dài hạn	-	10.480.500.000
Tài sản tài chính khác	3.576.091.537	1.564.107.837
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>122.105.309.705</b></u>	<u><b>136.851.148.143</b></u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	25.540.000.000	14.130.532.784
Phải trả người bán và phải trả khác	18.771.898.188	20.043.190.335
Chi phí phải trả	3.199.542.485	5.952.018.161
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>47.511.440.673</b></u>	<u><b>40.125.741.280</b></u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kê toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty không có các khoản đầu tư cổ phiếu cho mục đích thương mại, theo đó Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Và Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Khoản đầu tư vào công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.587.420.717	-	4.587.420.717
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.142.753.533	-	45.142.753.533
Đầu tư ngắn hạn	68.799.043.918	-	68.799.043.918
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Tài sản tài chính khác	3.576.091.537	-	3.576.091.537
<b>Cộng</b>	<b>122.105.309.705</b>	<b>-</b>	<b>122.105.309.705</b>
<b>Công nợ tài chính</b>			
Các khoản vay	25.540.000.000	-	25.540.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	18.771.898.188	-	18.771.898.188
Chi phí phải trả	3.199.542.485	-	3.199.542.485
<b>Cộng</b>	<b>47.511.440.673</b>	<b>-</b>	<b>47.511.440.673</b>
<b>Giá trị chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>74.593.869.032</b>	<b>-</b>	<b>74.593.869.032</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Tại ngày 01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.038.650.730	-	12.038.650.730
Phải thu khách hàng và phải thu khác	42.412.687.576	-	42.412.687.576
Đầu tư ngắn hạn	70.355.202.000	-	70.355.202.000
Đầu tư dài hạn	10.480.500.000	-	10.480.500.000
Tài sản tài chính khác	1.564.107.837	-	1.564.107.837
<b>Cộng</b>	<b>136.851.148.143</b>	<b>-</b>	<b>136.851.148.143</b>
<b>Công nợ tài chính</b>			
Các khoản vay	14.130.532.784	-	14.130.532.784
Phải trả người bán và phải trả khác	20.043.190.335	-	20.043.190.335
Chi phí phải trả	5.952.018.161	-	5.952.018.161
<b>Cộng</b>	<b>40.125.741.280</b>	<b>-</b>	<b>40.125.741.280</b>
<b>Giá trị chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>96.725.406.863</b>	<b>-</b>	<b>96.725.406.863</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**36. THÔNG TIN KHÁC**

Công ty ký hợp đồng thuê đất của lô đất tại khu Khu Công nghiệp Cát Lái theo hợp đồng nguyên tắc Số 08/HĐNT- PTN- KCN ngày 13/10/2005 giữa Công ty và Công ty Quản lý và phát triển nhà Quận 2 (nay là Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 2). Tới thời điểm hiện tại Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 2 chưa hoàn thiện các hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký hợp đồng thuê đất chính thức, theo đó Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa xác định nghĩa vụ thanh toán tiền thuê đất trong các giai đoạn tiếp theo.

**37. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

**38. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.



Vũ Dương Ngọc Duy  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2014

Đào Trung Thanh  
Kế toán trưởng

Trương Thị Thùy Linh  
Người lập biểu